

*Tp.HCM, ngày 24 tháng 08 năm 2021*

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN  
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN**
2. Mã chứng khoán: **BFC**
3. Địa chỉ trụ sở chính: **C12/21 Quốc lộ 1A, Tân Kiên, Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh**
4. Điện thoại: **(84-28) 3756 0110** Fax: **(84-28) 3756 0799**
5. Website: [www.binhdien.com](http://www.binhdien.com) Email: [phanbon@binhdien.com](mailto:phanbon@binhdien.com).
6. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Ngô Văn Đông – Tổng Giám đốc

Loại thông tin công bố :  định kỳ  bất thường  24 giờ  theo yêu cầu

**Nội dung thông tin công bố:**

Công ty cổ phần phân bón Bình Điền Công bố thông tin báo cáo tài chính Riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất soát xét 6 tháng đầu năm 2021, bao gồm giải trình lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2021 so với cùng kỳ năm 2020 trong thuyết minh báo cáo tài chính.

Nội dung Báo cáo đã được đăng lên website của Công ty vào ngày 24/08/2021 tại đường dẫn: [www.binhdien.com](http://www.binhdien.com).

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

*Báo cáo tài chính soát xét 6T\_2021*

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Ngô Văn Đông**

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2021



**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2021	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2021	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2021	8 – 9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	10 - 35

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2021.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Bùi Thế Chuyên	Chủ tịch
Ông Đỗ Quang Huy	Thành viên
Ông Ngô Văn Đông	Thành viên
Ông Lê Quốc Phong	Thành viên
Ông Mai Thành Phụng	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trương Minh Phú	Trưởng ban
Ông Nguyễn Huy Hiếu	Thành viên
Ông Quản Đình Gang	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Ngô Văn Đông	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Văn Phú	Phó Tổng Giám đốc

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính riêng.

**CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Ngô Văn Đông**

**Tổng Giám đốc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 08 năm 2021

17  
G  
HI  
N &  
IET  
HC

Số: 28/2021/SX-RSMHCM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông  
Các thành viên Hội đồng Quản trị  
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền, được lập ngày 24 tháng 08 năm 2021, từ trang 05 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Thụy Nhã Vy**  
**Phó Tổng giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
1875-2018-026-1  
(Theo giấy ủy quyền số 06/2020-21/UQ-RSM  
ngày 01 tháng 10 năm 2020)

**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 08 năm 2021

*Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc, báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phân ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.*



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/06/2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2021	Tại ngày 01/01/2021
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.279.482.998.073</b>	<b>1.173.142.934.268</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	4.1	<b>90.130.367.037</b>	<b>298.658.909.829</b>
1. Tiền	111		90.130.367.037	198.658.909.829
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	100.000.000.000
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>723.456.146.683</b>	<b>353.451.090.144</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	598.076.020.072	281.613.433.516
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	50.030.477.066	4.058.417.932
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	76.099.642.030	68.529.231.181
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(749.992.485)	(749.992.485)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	4.7	<b>428.107.575.928</b>	<b>490.621.733.831</b>
1. Hàng tồn kho	141		428.107.575.928	490.621.733.831
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>37.788.908.425</b>	<b>30.411.200.464</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		16.709.865.849	14.815.045.080
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.13	21.079.042.576	15.596.155.384
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>477.599.797.365</b>	<b>489.625.812.544</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>3.810.502.545</b>	<b>3.737.502.545</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.5	3.810.502.545	3.737.502.545
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>339.499.645.022</b>	<b>342.876.542.521</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	135.953.615.229	141.616.503.200
Nguyên giá	222		357.294.435.075	359.996.230.398
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(221.340.819.846)	(218.379.727.198)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	4.11	2.313.403.116	-
Nguyên giá	225		2.430.405.000	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(117.001.884)	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	4.10	201.232.626.677	201.260.039.321
Nguyên giá	228		202.074.934.308	202.074.934.308
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(842.307.631)	(814.894.987)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>13.924.682.694</b>	<b>15.378.132.694</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.8	13.924.682.694	15.378.132.694
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	4.2	<b>120.364.967.104</b>	<b>120.364.967.104</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		115.937.211.500	115.937.211.500
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		11.661.918.871	11.661.918.871
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(7.234.163.267)	(7.234.163.267)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>-</b>	<b>7.268.667.680</b>
1. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	7.268.667.680
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1.757.082.795.438</b>	<b>1.662.768.746.812</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 30/06/2021

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2021	Tại ngày 01/01/2021
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>915.213.733.068</b>	<b>821.057.476.500</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>913.680.545.568</b>	<b>821.057.476.500</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.12	162.291.680.531	109.475.416.707
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		17.207.443	173.530.755
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.13	116.000.694.377	115.151.360.451
4. Phải trả người lao động	314		33.628.049.122	33.689.375.863
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.14	73.559.573.376	63.766.549.261
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.15	8.186.798.269	6.631.549.168
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.16	508.421.685.363	490.668.090.953
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		11.574.857.087	1.501.603.342
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.533.187.500</b>	-
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.16	1.533.187.500	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>841.869.062.370</b>	<b>841.711.270.312</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	4.17	<b>841.869.062.370</b>	<b>841.711.270.312</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		571.679.930.000	571.679.930.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		571.679.930.000	571.679.930.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		149.568.442.914	149.568.442.914
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		10.145.220.457	10.145.220.457
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		110.475.468.999	110.317.676.941
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		11.927.151.411	15.666.313.141
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		98.548.317.588	94.651.363.800
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.757.082.795.438</b>	<b>1.662.768.746.812</b>



Ngô Văn Đông  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 08 năm 2021

Trần Tấn Sơn  
Kế toán trưởng

Trần Ngọc Hùng  
Người lập biểu

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	4.19	2.519.639.746.012	1.287.807.171.961
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	4.20	30.982.317.000	16.534.941.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2.488.657.429.012	1.271.272.230.961
4. Giá vốn hàng bán	11	4.21	2.244.759.525.734	1.072.223.509.136
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		243.897.903.278	199.048.721.825
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.22	26.267.455.895	25.216.503.143
7. Chi phí tài chính	22	4.23	11.315.605.374	21.427.227.446
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>10.300.198.710</i>	<i>19.956.979.808</i>
8. Chi phí bán hàng	25	4.24	104.243.045.766	85.606.534.547
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4.25	38.945.584.658	47.402.123.351
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		115.661.123.375	69.829.339.624
11. Thu nhập khác	31	4.26	1.661.132.860	2.170.719.364
12. Chi phí khác	32		-	727.481.601
13. Lợi nhuận khác	40		1.661.132.860	1.443.237.763
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		117.322.256.235	71.272.577.387
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.28	11.505.270.967	4.794.025.947
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		7.268.667.680	5.106.576.730
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		98.548.317.588	61.371.974.710



**Ngô Văn Đông**  
**Tổng Giám đốc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 08 năm 2021

**Trần Tấn Sơn**  
**Kế toán trưởng**

**Trần Ngọc Hùng**  
**Người lập biểu**



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
**(Theo phương pháp gián tiếp)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		117.322.256.235	71.272.577.387
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	4.27	11.148.946.999	11.187.975.169
Các khoản dự phòng	03		-	309.512.698
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(25.596.853.296)	(22.621.474.015)
Chi phí lãi vay	06	4.23	10.300.198.710	19.956.979.808
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		<b>113.174.548.648</b>	<b>80.105.571.047</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(377.455.764.500)	(110.838.399.668)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		62.514.157.903	(150.205.388.708)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		67.852.975.046	(10.001.875.785)
Tiền lãi vay đã trả	14		(10.300.198.710)	(25.078.244.928)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.13	(16.992.430.100)	(6.900.000.000)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.565.282.285)	(1.501.992.958)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		<b>(163.771.993.998)</b>	<b>(224.420.331.000)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.888.194.500)	(8.397.468.067)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.642.020.000	75.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		23.954.833.296	9.813.765.197
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		<b>21.708.658.796</b>	<b>1.491.297.130</b>

(Xem trang tiếp theo)



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)**  
**(Theo phương pháp gián tiếp)**  
 Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	4.29	594.125.106.020	912.850.587.772
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	4.30	(574.748.136.610)	(755.757.764.142)
3. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		(90.187.500)	-
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(85.751.989.500)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(66.465.207.590)</b>	<b>157.092.823.630</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b>	<b>50</b>		<b>(208.528.542.792)</b>	<b>(65.836.210.240)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		298.658.909.829	288.157.870.865
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM</b>	<b>70</b>	4.1	<b>90.130.367.037</b>	<b>222.321.660.625</b>



**Ngô Văn Đông**  
**Tổng Giám đốc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 08 năm 2021

*Trần Tấn Sơn*  
**Trần Tấn Sơn**  
**Kế toán trưởng**

*Trần Ngọc Hùng*  
**Trần Ngọc Hùng**  
**Người lập biểu**

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC****1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Xí nghiệp phân bón Bình Điền II, trực thuộc Công ty Phân bón Miền Nam. Ngày 06 tháng 06 năm 2008, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền theo Quyết định số 356/QĐ-HCVN ngày 6 tháng 6 năm 2008 của Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam (nay là Tập đoàn Hóa chất Việt Nam) về việc cổ phần hóa Công ty Phân bón Bình Điền; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302975517 ngày 25 tháng 11 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 28 tháng 12 năm 2017.

Ngày 27 tháng 08 năm 2015, Công ty chính thức được cấp giấy phép giao dịch chứng khoán tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 384/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 07 tháng 10 năm 2015, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là BFC.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 là 431 (01 tháng 01 năm 2021 là 434)

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất, thương mại.

**1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, kinh doanh các loại phân bón vô cơ, hữu cơ, vi sinh, vi lượng, các chất điều hòa tăng trưởng cho cây trồng, vật nuôi;
- Nghiên cứu sản xuất các loại phân bón (không sản xuất tại trụ sở doanh nghiệp);
- Kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm phân bón, công cụ, máy nông nghiệp, giống cây trồng và các loại nông sản;
- Kinh doanh bất động sản, địa ốc.

*(Xem trang tiếp theo)*

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****1.4. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Công ty có các công ty con, liên doanh, liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

**Công ty con trực tiếp**

<b>Tên</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Tỷ lệ quyền biểu quyết</b>	<b>Tỷ lệ vốn góp</b>	<b>Tỷ lệ lợi ích</b>
Công ty TNHH MTV Thể thao Bình Điền Long An	Khu công nghiệp Long Định-Long Cang, xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, Việt Nam.	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Bình Điền – Lâm Đồng	Quốc lộ 20, xã Hiệp Thạnh, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.	51%	51%	51%
Công ty Cổ phần Bình Điền – Mekong	Lô A10.1, đường D3, KCN Thành Công, xã An Hòa, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.	51%	51%	51%
Công ty Cổ phần Bình Điền – Quảng Trị	Lô 22 Khu công nghiệp Quán Ngang, xã Gio Châu, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị	51%	51%	51%
Công ty Cổ phần Bình Điền – Ninh Bình	Khu công nghiệp Khánh Phú, xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình	51%	51%	51%

Đơn vị trực thuộc tính đến 30 tháng 06 năm 2021 là: Nhà máy phân bón Bình Điền Long An, địa chỉ: Khu Công nghiệp Long Định, xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An.

**1.5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính (riêng)**

Do giá phân bón trên thị trường trong nước cũng như giá phân bón trên thị trường thế giới tiếp tục biến động theo xu hướng tăng, bên cạnh đó Công ty cũng đã duy trì số lượng hàng tồn kho hợp lý để ổn định trong sản xuất kinh doanh nên Công ty cũng đáp ứng kịp thời nhu cầu phân bón tăng trong 6 tháng đầu năm. Sản lượng của Công ty trong 6 tháng đầu năm 2021 tăng 90% so với cùng kỳ năm trước. Điều này là nguyên nhân chủ yếu làm cho lợi nhuận sau thuế trong 6 tháng đầu năm 2021 của Công ty tăng 60,6% so với cùng kỳ.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG****2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký Chung.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****2.3. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG**

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính riêng năm 2020.

**4. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>Tại ngày 30/06/2021 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2021 VND</b>
Tiền mặt	719.904.872	539.709.065
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	89.410.462.165	198.119.200.764
Các khoản tương đương tiền	-	100.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>90.130.367.037</u></b>	<b><u>298.658.909.829</u></b>

(Xem trang tiếp theo)

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN**

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, Xã Tân Kiên, Huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.2. Các khoản đầu tư tài chính**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc
				VND
Đầu tư vào công ty con:				
Công ty TNHH MTV Thế thao Bình Điền Long An	5.000.000.000	-	-	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Bình Điền – Lâm Đồng	27.138.986.173	-	-	27.138.986.173
Công ty Cổ phần Bình Điền – Mekong	16.147.753.280	(2.907.674.674)	-	16.147.753.280
Công ty Cổ phần Bình Điền – Quảng Trị	16.650.472.047	-	-	16.650.472.047
Công ty Cổ phần Bình Điền – Ninh Bình	51.000.000.000	-	-	51.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>115.937.211.500</b>	<b>(2.907.674.674)</b>	<b>-</b>	<b>115.937.211.500</b>

Đầu tư vào đơn vị khác:

Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn – Đông Hà	11.661.918.871	(4.326.488.593)	-	11.661.918.871
				(4.326.488.593)

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty TNHH MTV Thế thao Bình Điền Long An, Công ty Cổ phần Bình Điền – Lâm Đồng, Công ty Cổ phần Bình Điền – Mekong, Công ty Cổ phần Bình Điền – Quảng Trị, Công ty Cổ phần Bình Điền – Ninh Bình và Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn – Đông Hà để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(Xem trang tiếp theo)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan - Xem thêm mục 4.32	5.994.094.476	7.744.844.710
Phải thu từ khách hàng:		
Công ty TNHH Yetak – Cambodia	151.858.772.420	91.723.598.521
Công ty TNHH TM DV Phân bón Tuấn Vũ	62.400.989.317	18.715.206.817
Công ty TNHH-TMDV Kim Ngoan	49.014.128.600	38.237.356.000
Phải thu các khách hàng khác	328.808.035.259	125.192.427.468
<b>Cộng</b>	<b><u>598.076.020.072</u></b>	<b><u>281.613.433.516</u></b>

Tại ngày 30/6/2021, mỗi khoản phải thu khách hàng khác ngắn hạn có giá trị nhỏ hơn 10% tổng số phải thu của khách hàng ngắn hạn.

**4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn là các bên liên quan - Xem thêm mục 4.32	17.475.000.000	-
Trả trước cho người bán:		
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và XD Việt Thành	11.287.648.964	-
Các nhà cung cấp khác	21.267.828.102	4.058.417.932
<b>Cộng</b>	<b><u>50.030.477.066</u></b>	<b><u>4.058.417.932</u></b>

Tại ngày 30/6/2021, mỗi khoản trả trước cho các nhà cung cấp khác ngắn hạn có giá trị nhỏ hơn 10% tổng số trả trước cho người bán ngắn hạn.

(Xem trang tiếp theo)



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.5. Phải thu khác**

	Tại ngày 30/06/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Phải thu ngắn hạn là các bên liên quan – Xem thêm mục 4.32	67.420.971.678	-	59.467.534.906	-
Tạm ứng cho nhân viên	3.462.149.173	-	2.342.169.396	-
Phải thu khác	5.216.521.179	-	6.719.526.879	-
<b>Cộng</b>	<b>76.099.642.030</b>	<b>-</b>	<b>68.529.231.181</b>	<b>-</b>
Dài hạn:				
Phải thu dài hạn là các bên liên quan – Xem thêm mục 4.32	3.737.502.545	-	3.737.502.545	-
Ký cược, ký quỹ	73.000.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3.810.502.545</b>	<b>-</b>	<b>3.737.502.545</b>	<b>-</b>

Tại ngày 30/6/2021, mỗi khoản phải thu khác ngắn hạn/dài hạn có giá trị nhỏ hơn 10% tổng số phải thu khác ngắn hạn/dài hạn.

**4.6. Nợ xấu**

	Tại ngày 30/06/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	749.992.485	-	749.992.485	-

(Xem trang tiếp theo)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2021			Tại ngày 01/01/2021		
	VND			VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Ban tự quản Buôn Eana (phải thu thương mại)	438.623.835	-	>3 năm	438.623.835	-	>3 năm
Các đối tượng khác	311.368.650	-	>3 năm	311.368.650	-	>3 năm
<b>Cộng</b>	<b>749.992.485</b>	<b>-</b>		<b>749.992.485</b>	<b>-</b>	

**4.7. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 30/06/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	372.847.357.043	-	358.653.656.137	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	24.802.290.044	-	33.480.806.557	-
Thành phẩm	23.605.463.886	-	91.682.642.549	-
Hàng hóa	6.852.464.955	-	6.804.628.588	-
<b>Cộng</b>	<b>428.107.575.928</b>	<b>-</b>	<b>490.621.733.831</b>	<b>-</b>

**4.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Tại ngày 30/06/2021	Tại ngày 01/01/2021
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	13.862.682.694	15.378.132.694
Sửa chữa lớn TSCĐ	62.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>13.924.682.694</b>	<b>15.378.132.694</b>

(Xem trang tiếp theo)

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN**

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, Xã Tân Kiên, Huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.9. Tàng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2021	203.613.932.661	133.786.370.108	16.792.351.903	5.803.575.726	359.996.230.398
Mua trong kỳ	-	256.666.300	-	1.536.500.000	1.793.166.300
Đầu tư XDCB hoàn thành	1.114.650.000	2.433.828.200	-	-	3.548.478.200
Thanh lý, nhượng bán	(274.625.166)	(7.768.814.657)	-	-	(8.043.439.823)
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>204.453.957.495</b>	<b>128.708.049.951</b>	<b>16.792.351.903</b>	<b>7.340.075.726</b>	<b>357.294.435.075</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2021	102.230.538.984	99.161.217.337	13.337.192.632	3.650.778.245	218.379.727.198
Khấu hao trong kỳ	5.579.434.697	4.406.131.263	585.823.722	433.142.790	11.004.532.471
Thanh lý, nhượng bán	(274.625.166)	(7.768.814.657)	-	-	(8.043.439.823)
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>107.535.348.515</b>	<b>95.798.533.943</b>	<b>13.923.016.354</b>	<b>4.083.921.035</b>	<b>221.340.819.846</b>
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2021	101.383.393.677	34.625.152.771	3.455.159.271	2.152.797.481	141.616.503.200
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>96.918.608.981</b>	<b>32.909.516.008</b>	<b>2.869.335.550</b>	<b>3.256.154.691</b>	<b>135.953.615.229</b>

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 63.360.974.800 VND.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	TSCĐ vô hình khác VND	Tổng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2021	201.311.157.308	763.777.000	202.074.934.308
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>201.311.157.308</b>	<b>763.777.000</b>	<b>202.074.934.308</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2021	222.000.000	592.894.987	814.894.987
Khấu hao trong kỳ	-	27.412.644	27.412.644
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>222.000.000</b>	<b>620.307.631</b>	<b>842.307.631</b>
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2021	201.089.157.308	170.882.013	201.260.039.321
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>201.089.157.308</b>	<b>143.469.369</b>	<b>201.232.626.677</b>

Quyền sử dụng đất bao gồm:

- Khu đất tọa lạc tại C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Công ty chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Giá trị đất được ghi nhận theo Quyết định số 32/QĐ-BTC ngày 03/01/2007 của Bộ Tài chính và Văn bản số 9402/BTC-QLCS ngày 12/8/2008 của Bộ Tài chính về việc phê duyệt phương án xử lý tổng thể các cơ sở nhà đất của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam (Tổng công ty Hóa chất Việt Nam trước đây) tại TP. Hồ Chí Minh. Hiện nay, Nhà nước đang làm thủ tục thu hồi lại khu đất này, trong năm 2019, Công ty đã di dời, không hoạt động trên khu đất này.
- Quyền sử dụng đất số T00080/QSDĐ/0401-LA tọa lạc tại xã Long Định, huyện Cần Đước, Long An.

(Xem trang tiếp theo)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.11. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính**

	<b>Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND</b>
Nguyên giá:	
Tại ngày 01/01/2021	-
Thuê tài chính trong kỳ	2.430.405.000
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>2.430.405.000</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Tại ngày 01/01/2021	-
Khấu hao trong kỳ	117.001.884
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>117.001.884</b>
Giá trị còn lại:	
Tại ngày 01/01/2021	-
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>2.313.403.116</b>

(Xem trang tiếp theo)



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN**

Địa chỉ: C.12/21 Quốc lộ 1A, Xã Tân Kiên, Huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm mục 4.32	24.503.409.469	24.503.409.469	16.312.684.155	16.312.684.155
Phải trả cho người bán:				
Công ty TNHH SX DV & TM Huỳnh Thành	35.202.050.000	35.202.050.000	-	-
Công ty TNHH Phân bón Hưng Phú	16.268.057.000	16.268.057.000	8.675.400.000	8.675.400.000
Phải trả cho các đối tượng khác	86.318.164.062	86.318.164.062	84.487.332.552	84.487.332.552
<b>Cộng</b>	<b>162.291.680.531</b>	<b>162.291.680.531</b>	<b>109.475.416.707</b>	<b>109.475.416.707</b>

Tại ngày 31/06/2021, phải người bán khác ngắn hạn có số dư mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải trả người bán ngắn hạn.

**4.13. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 30/06/2021		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2021	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	23.941.975	-	693.003.340	693.003.340	23.941.975	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	20.926.120.298	-	11.505.270.967	16.992.430.100	15.438.961.165	-
Thuế thu nhập cá nhân	128.980.303	1.313.073.722	3.575.753.229	2.722.147.362	133.252.244	463.739.796
Các loại thuế khác	-	114.687.620.655	3.000.000	3.000.000	-	114.687.620.655
<b>Cộng</b>	<b>21.079.042.576</b>	<b>116.000.694.377</b>	<b>15.777.027.536</b>	<b>20.410.580.802</b>	<b>15.596.155.384</b>	<b>115.151.360.451</b>





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.14. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>Tại ngày 30/06/2021 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2021 VND</b>
Chi phí chiết khấu, khuyến mãi, hỗ trợ bán hàng cho đại lý	63.959.573.376	63.766.549.261
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	9.600.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>73.559.573.376</b>	<b>63.766.549.261</b>

**4.15. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>Tại ngày 30/06/2021 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2021 VND</b>
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.201.134.621	3.865.110.467
BHXH, BHYT, BHTN	1.725.120.285	1.609.509.070
Kinh phí công đoàn	1.260.543.363	1.156.929.631
<b>Cộng</b>	<b>8.186.798.269</b>	<b>6.631.549.168</b>

*(Xem trang tiếp theo)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN**

Địa chỉ: C-12/21 Quốc lộ 1A, Xã Tân Kiên, Huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.16. Vay và nợ thuê tài chính**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

Ngắn hạn:	Tại ngày 30/06/2021		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Bình Tây - TP.HCM	-	-	-	13.399.122.300	13.399.122.300	13.399.122.300
Đầu tư và Phát triển VN - CN Bến Nghé	62.756.321.620	62.756.321.620	62.756.321.620	46.108.651.500	46.108.651.500	46.108.651.500
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN TP.HCM	156.452.399.700	156.452.399.700	206.452.399.700	129.485.335.200	79.485.335.200	79.485.335.200
Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM	-	-	34.676.420.000	57.566.410.000	22.889.990.000	22.889.990.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN TP.HCM	218.022.847.600	218.022.847.600	217.664.030.400	260.896.163.420	261.254.980.620	261.254.980.620
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	70.648.991.443	70.648.991.443	70.411.434.300	67.292.454.190	67.530.011.333	67.530.011.333
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN TP.HCM	541.125.000	541.125.000	541.125.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>508.421.685.363</b>	<b>508.421.685.363</b>	<b>592.501.731.020</b>	<b>574.748.136.610</b>	<b>490.668.090.953</b>	<b>490.668.090.953</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN**

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, Xã Tân Kiên, Huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

	Tại ngày 30/06/2021 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Dãi hạn:						
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN TP.HCM	1.533.187.500	1.533.187.500	2.164.500.000	631.312.500	-	-
Các khoản nợ thuê tài chính được chi tiết như sau:						
Thời hạn:	Kỳ này VND		Kỳ trước VND			
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Lãi thuê	Nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Lãi thuê	Nợ gốc
Từ 1 năm trở xuống	678.345.899	137.220.899	541.125.000	-	-	-
Trên 1 năm đến 5 năm	1.700.879.883	167.692.383	1.533.187.500	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2.379.225.781</b>	<b>304.913.281</b>	<b>2.074.312.500</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Thông tin chi tiết các khoản vay như sau:

- Vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Bến Nghé theo hợp đồng tín dụng số 34/2020/5762220/HĐTD ngày 1 tháng 12 năm 2020 với hạn mức cấp tín dụng tối đa là 200.000.000 VND, nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Thời gian duy trì hạn mức kể từ khi ký hợp đồng đến hết ngày 30/11/2021, với lãi suất được xác định theo từng khế ước cụ thể, dao động trong khoảng 4,6%/năm – 5,2%/năm và là khoản vay tin chấp.



## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, Xã Tân Kiên, Huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 21.2990024/2020-HĐCVHM/NHCT900-PHANBONBINHDIEN ngày 16 tháng 03 năm 2021 với tổng mức dư nợ vay và số dư L/C đã phát hành có cam kết thanh toán bằng vốn vay theo Hợp đồng này tại mọi thời điểm không vượt quá 550.000.000.000 VND, nhằm để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh phân bón. Thời hạn duy trì hạn mức kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 28 tháng 02 năm 2022, với lãi suất cho vay theo từng khế ước nhận nợ, dao động trong khoảng 5,0%/năm – 5,1%/năm và là khoản vay tín chấp.
- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng cấp tín dụng số 0109/2038/N-CTD ngày 25 tháng 09 năm 2020 với hạn mức cấp tín dụng tối đa là 700.000.000.000 VND, nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn duy trì hạn mức kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày 24 tháng 09 năm 2021, với lãi suất cho vay theo từng khế ước nhận nợ, dao động trong khoảng 5,0%/năm – 5,8%/năm đối với đồng tiền Việt Nam và từ 2,3%/năm – 2,6%/năm đối với ngoại tệ USD và là khoản vay tín chấp.
- Vay ngắn hạn Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số BC\_HHTD/BFC/201311 ngày 15 tháng 11 năm 2013 và phụ lục sửa đổi, bổ sung số BC\_HDTD/BFC/202101 với hạn mức tín dụng là 6.400.000 USD tương đương 148.608.000.000 VND, nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, mở và thanh toán thư tín dụng trả ngay, trả chậm, phát hành thư tín dụng dự phòng. Thời hạn hiệu lực của hạn mức kể từ ngày 23 tháng 01 năm 2021 đến ngày 22 tháng 01 năm 2022, với lãi suất cho vay được ghi cụ thể trên từng giấy nhận nợ, dao động khoảng 4,2%/năm đối với đồng tiền Việt Nam và 2,1%/năm đối với ngoại tệ USD và là khoản vay tín chấp.
- Khoản nợ thuế tài chính của Công ty là khoản thuế tài chính của Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - Chi nhánh TPHCM theo hợp đồng cho thuê tài chính số 90.21.01/CTTC ngày 12 tháng 1 năm 2021 có tổng giá trị thuế là 2.164.500.000 VND, thời hạn 48 tháng, lãi suất 7,5%/năm.

(Xem trang tiếp theo)

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN**

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, Xã Tân Kiên, Huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.17. Vốn chủ sở hữu****4.17.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ VND		
Tại ngày 01/01/2020	571.679.930.000	140.672.991.714	10.145.220.457	70.267.847.521	792.765.989.692	
Tăng từ phân phối lợi nhuận trong 6 tháng đầu năm trước	-	8.895.451.200	-	(8.895.451.200)	-	
Lãi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	61.371.974.710	61.371.974.710	
Chia cổ tức trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	(40.017.595.100)	(40.017.595.100)	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	(5.688.488.080)	(5.688.488.080)	
Tại ngày 30/06/2020	571.679.930.000	149.568.442.914	10.145.220.457	77.038.287.851	808.431.881.222	
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	61.863.385.590	61.863.385.590	
Tạm ứng cổ tức năm 2020 trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	(28.583.996.500)	(28.583.996.500)	
Tại ngày 01/01/2021	571.679.930.000	149.568.442.914	10.145.220.457	110.317.676.941	841.711.270.312	
Lãi trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	98.548.317.588	98.548.317.588	
Chia cổ tức năm 2020	-	-	-	(85.751.989.500)	(85.751.989.500)	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	(12.638.536.030)	(12.638.536.030)	
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>571.679.930.000</b>	<b>149.568.442.914</b>	<b>10.145.220.457</b>	<b>110.475.468.999</b>	<b>841.869.062.370</b>	



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.17.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<b>Tại ngày 30/06/2021 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2021 VND</b>
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	371.592.000.000	371.592.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	200.087.930.000	200.087.930.000
<b>Cộng</b>	<b><u>571.679.930.000</u></b>	<b><u>571.679.930.000</u></b>

**4.17.3. Cổ phiếu**

	<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>Tại ngày 01/01/2021</b>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	57.167.993	57.167.993
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	57.167.993	57.167.993
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	57.167.993	57.167.993

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

**4.17.4. Các quỹ của doanh nghiệp**

	<b>Quỹ đầu tư phát triển VND</b>	<b>Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND</b>
Tại ngày 01/01/2021	149.568.442.914	10.145.220.457
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b><u>149.568.442.914</u></b>	<b><u>10.145.220.457</u></b>

**4.18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

	<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>Tại ngày 01/01/2021</b>
Ngoại tệ các loại:		
USD	150.758,95	1.523.953,67
EUR	32,82	32,82

(Xem trang tiếp theo)



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.19. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng	2.494.717.640.885	1.268.484.517.688
Doanh thu gia công	4.928.313.981	5.335.202.875
Phí thương hiệu	14.935.975.696	11.017.034.813
Doanh thu khác	5.057.815.450	2.970.416.585
<b>Cộng</b>	<b>2.519.639.746.012</b>	<b>1.287.807.171.961</b>
Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm mục 4.32	36.814.289.677	18.364.237.688

**4.20. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chiết khấu thương mại	30.982.317.000	13.876.576.000
Giảm giá hàng bán	-	2.658.365.000
<b>Cộng</b>	<b>30.982.317.000</b>	<b>16.534.941.000</b>

**4.21. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	2.244.225.668.234	1.071.671.899.136
Giá vốn khác	533.857.500	551.610.000
<b>Cộng</b>	<b>2.244.759.525.734</b>	<b>1.072.223.509.136</b>

**4.22. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cổ tức được chia – Xem thêm mục 4.32	23.452.563.000	21.769.564.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.162.261.853	1.659.154.946
Lãi bán hàng trả chậm	-	810.462.000
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	502.270.296	783.728.197
Chiết khấu thanh toán	150.360.746	193.594.000
<b>Cộng</b>	<b>26.267.455.895</b>	<b>25.216.503.143</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.23. Chi phí tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lãi vay	10.300.198.710	19.956.979.808
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.015.406.664	1.160.734.940
Dự phòng đầu tư tài chính	-	309.512.698
<b>Cộng</b>	<b>11.315.605.374</b>	<b>21.427.227.446</b>

**4.24. Chi phí bán hàng**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên	8.890.729.367	4.525.762.473
Chi phí quảng bá thương hiệu, tiếp thị, hỗ trợ bán hàng	56.519.160.692	52.128.512.200
Chi phí hàng quà tặng	1.985.754.089	10.227.942.258
Chi phí vận chuyển	21.974.658.205	7.614.367.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.512.096.454	4.479.322.686
Các chi phí khác	7.360.646.959	6.630.627.930
<b>Cộng</b>	<b>104.243.045.766</b>	<b>85.606.534.547</b>

**4.25. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên	22.862.587.860	11.942.988.236
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.071.182.130	771.552.372
Thuế, phí và lệ phí	1.154.940.017	16.194.317.943
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.570.924.353	18.164.571.631
Các chi phí khác	285.950.298	328.693.169
<b>Cộng</b>	<b>38.945.584.658</b>	<b>47.402.123.351</b>

**4.26. Thu nhập khác**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	1.642.020.000	68.181.818
Thu nhập khác	19.112.860	2.102.537.546
<b>Cộng</b>	<b>1.661.132.860</b>	<b>2.170.719.364</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.27. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân công	85.966.124.203	34.699.948.685
Chi phí nguyên vật liệu	2.056.411.586.730	1.157.929.175.353
Chi phí khấu hao	11.148.946.999	11.187.975.169
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	161.168.163.127	152.639.703.344
<b>Cộng</b>	<b>2.314.694.821.059</b>	<b>1.356.456.802.551</b>

**4.28. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	117.322.256.235	71.272.577.387
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(59.795.901.400)	(47.302.447.650)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	57.526.354.835	23.970.129.737
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ</b>	<b>11.505.270.967</b>	<b>4.794.025.947</b>

**4.29. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	594.125.106.020	912.850.587.772

**4.30. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(574.748.136.610)	(755.757.764.142)

(Xem trang tiếp theo)



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN**

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, Xã Tân Kiên, Huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.31. Báo cáo bộ phận**

Báo cáo bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Nhiệm vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Kinh doanh phân bón
- Hoạt động khác

Doanh thu của Công ty phát sinh trong kỳ chủ yếu từ hoạt động kinh doanh phân bón; theo đó, Công ty chỉ có một bộ phận kinh doanh là kinh doanh phân bón. Do vậy, Công ty không có báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

**Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2021:**

	<u>Nội địa</u>		<u>Xuất khẩu</u>		<u>Tổng cộng</u>	
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND	Kỳ này VND	Kỳ trước VND	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.929.218.740.062	957.677.543.661	559.438.688.950	313.594.687.300	2.488.657.429.012	1.271.272.230.961
Giá vốn hàng bán	1.724.304.981.771	807.729.730.483	520.454.543.963	264.493.778.653	2.244.759.525.734	1.072.223.509.136
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>204.913.758.291</b>	<b>149.947.813.178</b>	<b>38.984.144.987</b>	<b>49.100.908.647</b>	<b>243.897.903.278</b>	<b>199.048.721.825</b>
Tài sản của bộ phận tại ngày 30/06	1.757.082.795.438	1.662.768.746.812	-	-	1.757.082.795.438	1.662.768.746.812
Chi phí mua sắm tài sản trong kỳ	3.888.194.500	8.397.468.067	-	-	3.888.194.500	8.397.468.067

Doanh thu bộ phận được dựa trên cơ sở vị trí địa lý của khách hàng. Tài sản và chi phí mua sắm tài sản có định bộ phận được trình bày theo vị trí địa lý của tài sản.

(Xem trang tiếp theo)



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.32. Thông tin về các bên liên quan**

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Công ty mẹ
2. Công ty TNHH MTV Thể thao Bình Điền Long An	Công ty con
3. Công ty Cổ phần Bình Điền – MeKong	Công ty con
4. Công ty Cổ phần Bình Điền – Lâm Đồng	Công ty con
5. Công ty Cổ phần Bình Điền – Quảng Trị	Công ty con
6. Công ty Cổ phần Bình Điền – Ninh Bình	Công ty con
7. Công ty Cổ phần DAP – VINACHEM	Công ty cùng tập toàn
8. Công ty Cổ phần DAP số 2 – VINACHEM	Công ty cùng tập toàn
9. Công ty Cổ phần SX TM DV Mai Xá	Có cùng nhân sự quản lý chủ chốt
10. HĐQT và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	<u>Tại ngày 30/06/2021 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2021 VND</u>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng – Xem thêm mục 4.3		
Công ty Cổ phần Bình Điền – MeKong	5.994.094.476	7.744.844.710
	<u>Tại ngày 30/06/2021 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2021 VND</u>
Phải thu ngắn hạn khác:		
Công ty Cổ phần Bình Điền – MeKong	40.351.232.137	37.837.149.408
Công ty Cổ phần Bình Điền – Lâm Đồng	9.497.745.444	5.927.404.646
Công ty Cổ phần Bình Điền – Quảng Trị	10.127.782.126	6.409.845.567
Công ty Cổ phần Bình Điền – Ninh Bình	6.627.213.621	8.476.136.935
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	816.998.350	816.998.350
<b>Cộng – Xem thêm mục 4.5</b>	<u><b>67.420.971.678</b></u>	<u><b>59.467.534.906</b></u>
	<u>Tại ngày 30/06/2021 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2021 VND</u>
Trả trước cho người bán ngắn hạn – Xem thêm mục 4.4:		
Công ty Cổ phần DAP số 2 – VINACHEM	17.475.000.000	-

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Phải thu dài hạn khác – Xem thêm mục 4.5		
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	3.737.502.545	3.737.502.545
	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Phải trả người bán ngắn hạn:		
Công ty TNHH MTV Thể thao Bình Điền Long An	(1.320.000.000)	-
Công ty Cổ phần Bình Điền – MeKong	-	(883.000.000)
Công ty Cổ phần DAP – VINACHEM	(23.183.409.469)	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Mai Xá	-	(15.429.684.155)
<b>Cộng – Xem thêm mục 4.12</b>	<b>(24.503.409.469)</b>	<b>(16.312.684.155)</b>
Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:		
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thu phí thương hiệu:		
Công ty Cổ phần Bình Điền – Lâm Đồng	3.245.764.362	2.447.472.097
Công ty Cổ phần Bình Điền – Mekong	2.285.529.753	1.798.333.811
Công ty Cổ phần Bình Điền – Quảng Trị	3.379.942.326	2.991.886.656
Công ty Cổ phần Bình Điền – Ninh Bình	6.024.739.255	3.779.342.249
<b>Cộng – Xem thêm mục 4.19</b>	<b>14.935.975.696</b>	<b>11.017.034.813</b>
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Bán hàng, cung cấp dịch vụ gia công – Xem thêm mục 4.19:		
Công ty Cổ phần Bình Điền – MeKong	15.218.313.981	7.347.202.875
Công ty Cổ phần Bình Điền – Ninh Bình	6.660.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>21.878.313.981</b>	<b>7.347.202.875</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cổ tức được chia:		
Công ty Cổ phần Bình Điền – Lâm Đồng	15.802.563.000	15.802.564.000
Công ty Cổ phần Bình Điền – Quảng Trị	-	5.967.000.000
Công ty Cổ phần Bình Điền – Ninh Bình	7.650.000.000	-
<b>Cộng</b> – Xem thêm mục 4.22	<b>23.452.563.000</b>	<b>21.769.564.000</b>
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Mua dịch vụ quảng cáo và quảng bá thương hiệu:		
Công ty TNHH MTV Thể thao Bình Điền Long An	6.800.000.000	5.800.000.000
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Nhận cung cấp dịch vụ:		
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	-	300.000.000
Công ty Cổ phần sản xuất thương mại dịch vụ Mai Xá	223.985.795	512.551.380
<b>Cộng</b>	<b>223.985.795</b>	<b>812.551.380</b>
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Mua hàng:		
Công ty Cổ phần sản xuất thương mại dịch vụ Mai Xá	43.692.286.350	63.543.407.900
Công ty Cổ phần DAP – VINACHEM	80.082.179.469	60.827.045.875
Công ty Cổ phần Bình Điền – Mekong	4.326.700.000	33.747.622.560
<b>Cộng</b>	<b>128.101.165.819</b>	<b>158.118.076.335</b>
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Trả cổ tức:		
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	55.738.800.000	26.011.436.815

(Xem trang tiếp theo)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Hội đồng quản trị		
Bùi Thế Chuyên	58.000.000	-
Nguyễn Văn Thiệu	10.000.000	48.000.000
Ngô Văn Đông	426.550.860	349.236.000
Lê Quốc Phong	292.260.000	36.000.000
Đỗ Quang Huy	41.000.000	36.000.000
Phan Văn Tâm	5.555.000	297.960.995
Mai Thành Phụng	41.555.000	-
<b>Cộng</b>	<b>874.920.860</b>	<b>767.196.995</b>
Ban Tổng Giám đốc		
Nguyễn Minh Sơn	355.916.491	272.600.000
Võ Văn Phú	355.700.491	279.936.000
Trần Tấn Sơn	334.351.579	252.336.000
<b>Cộng</b>	<b>1.045.968.561</b>	<b>804.872.000</b>
<b>4.33. Thu nhập Ban kiểm soát</b>		
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thu nhập và các chi phí hoạt động		
Trương Minh Phú	325.063.579	249.000.000
Nguyễn Huy Hiếu	29.000.000	24.000.000
Quảng Đình Gang	29.555.000	24.000.000
<b>Cộng</b>	<b>383.618.579</b>	<b>297.000.000</b>

(Xem trang tiếp theo)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.34. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ảnh hưởng của đại dịch Coronavirus (COVID-19) đang diễn ra và mặc dù chưa có tác động tiêu cực về mặt tài chính cho Công ty đến ngày 30/06/2021 nhưng Công ty cũng không thể ước tính được các ảnh hưởng tiềm tàng, tích cực hoặc tiêu cực, sau ngày kết thúc kỳ báo cáo. Tình hình dịch bệnh đang diễn biến nhanh và phụ thuộc vào các biện pháp kiểm soát dịch bệnh của Chính phủ Việt Nam và các nước.

Không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 30/06/2021 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Công ty trong những giai đoạn tài chính sắp tới.



**Ngô Văn Đông**  
**Tổng Giám đốc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 08 năm 2021

**Trần Tấn Sơn**  
**Kế toán trưởng**

**Trần Ngọc Hùng**  
**Người lập biểu**

